

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com

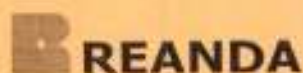


Mang tới thời phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 – 41
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	42 – 43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 5 Công ty con là Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư, Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Bảo Duy Trung, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 (số mới là 0301444626) ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung 18 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2015 phê duyệt điều chỉnh về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh. Theo đó, ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành 4730).

Điều chỉnh lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015 phê duyệt điều chỉnh về việc thay đổi người đại diện pháp luật. Theo đó ông Hoàng Đình Sơn là người đại diện pháp luật mới của Công ty.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (8) 38 966 819
- Fax : + 84 (8) 38 963 210
- Mã số thuế : 0301444626

• Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301333626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301333626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301333626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301333626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-040; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-042; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-019; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-046; hạch toán phụ thuộc;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-017; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-039; hạch toán phụ thuộc;
11. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-033; hạch toán phụ thuộc;
12. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-001; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-045; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-009; hạch toán phụ thuộc;
15. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-010; hạch toán phụ thuộc;
16. Trạm xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301333626-011;
17. Trạm xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-012; hạch toán phụ thuộc;
18. Trạm xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
19. Trạm xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, khu phố 5, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc.
20. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-034; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-037; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-044; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-004; hạch toán phụ thuộc;
24. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-005; hạch toán phụ thuộc;
25. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-036; hạch toán phụ thuộc;
26. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Place tại 746 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Các công ty con

Tổng số công ty con: 5 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 5 công ty.

Các Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh điện máy, điện tử gia dụng	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duyệt Trung	Ấp Đường Long, xã Thanh Tuyển, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%
5. Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC ^(*)	231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%

^(*) Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC đã giải thể theo Quyết định số 17/QĐ-HDQT và Quyết định số 18/QĐ-HDQT ngày 23 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch	30/03/2013	16/07/2015
Ông Ma Đức Từ	Chủ tịch	16/07/2015	
Ông Nguyễn Cao Khải	Thành viên	30/03/2013	
Ông Dương Xuân Phát	Thành viên	30/03/2013	
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	30/03/2013	16/07/2015

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3 Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Giám đốc	01/04/2013	16/07/2015
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	04/04/2013	
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	04/04/2013	
Ông Nguyễn Cao Khải	Phó Giám đốc	05/11/2014	
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	03/04/2013	

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Giám đốc	01/04/2013	16/7/2015
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/7/2015	

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 43.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hội đồng quản trị,

MA ĐỨC TỬ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.



Số: 2041/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và các công ty con là Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư, Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Bảo Duy Trung, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016 (từ trang 09 đến trang 43) của Công ty.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý; xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.951.637.232	145.870.628.549
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	30.102.572.492	22.799.769.481
111	1. Tiền		30.102.572.492	22.799.769.481
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	22.752.103.215	25.251.250.197
121	1. Chứng khoán kinh doanh		34.761.560.162	35.011.267.792
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.009.456.947)	(9.760.017.595)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.520.040.424	19.396.319.790
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	8.997.615.235	12.073.970.243
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.980.677.213	6.916.958.136
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		533.847.407	405.391.411
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		7.900.569	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	58.988.801.211	76.552.678.338
141	1. Hàng tồn kho		59.149.549.423	76.552.678.338
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(160.748.212)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		588.119.890	1.870.610.743
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	63.273.065	160.589.108
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		507.710.317	1.484.231.785
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		17.136.508	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	225.789.850
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		171.378.089.847	161.360.308.888
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		143.630.509.704	140.084.575.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	68.190.180.093	62.752.031.602
222	- Nguyên giá		120.306.110.687	106.346.567.028
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.115.930.594)	(43.594.535.426)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	75.440.329.611	77.332.544.343
228	- Nguyên giá		86.157.845.203	86.157.845.203
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.717.515.592)	(8.825.300.860)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	9.418.596.503	9.913.553.615
231	- Nguyên giá		13.181.218.943	13.181.218.943
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.762.622.440)	(3.267.665.328)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.657.938.083	8.159.431.581
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	14.657.938.083	8.159.431.581
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	90.000.000	90.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.000.000	90.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.581.045.557	3.112.747.747
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.192.902.488	514.703.414
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		150.087.985	101.412.781
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.11	684.301.025	721.626.545
269	4. Lợi thế thương mại		1.553.754.059	1.775.005.007
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		296.329.727.079	307.230.937.437

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tai ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		108.598.699.677	126.943.852.648
310	L. Nợ ngắn hạn		98.086.889.958	115.109.254.058
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	57.243.528.490	57.155.176.120
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	2.690.894.373	6.019.989.271
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	2.363.381.641	2.594.634.816
314	4. Phải trả người lao động		16.565.898.227	9.295.892.734
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		582.792.307	43.238.159
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	15.267.602.862	3.804.207.779
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	2.576.911.714	35.137.914.014
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		795.880.344	1.058.201.165
330	II. Nợ dài hạn		10.511.809.719	11.834.598.590
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.17	7.899.736.502	10.627.272.745
337	5. Phải trả dài hạn khác	V.15b	2.415.349.486	915.349.486
338	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		196.723.731	291.976.359
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.731.027.402	180.287.084.789
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	187.731.027.402	180.287.084.789
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.254.156.278	13.111.454.024
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.536.767.857	15.322.138.114
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.298.499.058	4.022.189.751
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		14.238.268.799	11.299.948.363
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		481.982.171	395.371.555
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		296.329.727.079	307.230.937.437

Người lập biểu



TRƯƠNG THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2016.



HOÀNG ĐÌNH SƠN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.445.578.350.289	2.729.242.406.224
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.445.578.350.289	2.729.242.406.224
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.304.472.097.138	2.631.939.793.853
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.106.253.151	97.302.612.371
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.107.990.128	4.684.196.941
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.040.617.178	6.615.425.688
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.693.218.806	2.441.841.672
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		74.929.258.225	55.902.823.035
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		32.829.248.506	25.532.258.692
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.415.119.370	13.936.301.897
31	12. Thu nhập khác	VI.5	1.292.422.717	14.446.531.692
32	13. Chi phí khác	VI.6	675.887.098	30.010.121
40	14. Lợi nhuận khác		616.535.619	14.416.521.571
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.031.654.989	28.352.823.468
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		7.363.873.366	6.444.300.790
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(143.927.832)	(133.723.877)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.811.709.455	22.042.246.555
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		26.725.098.839	21.964.931.579
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		86.610.616	77.314.976
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.771	1.587

Người lập biểu

TRƯƠNG THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 02 năm 2016.



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay 4	Năm trước 5
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.031.654.989	28.352.823.468
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.753.820.009	16.896.414.077
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		10.908.567.012	10.094.130.029
03	- Các khoản dự phòng		1.977.231.075	3.747.671.939
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.825.196.884)	612.770.437
06	- Chi phí lãi vay		1.693.218.806	2.441.841.672
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		35.785.474.998	45.249.237.545
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.782.168.288)	2.206.066.725
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		17.403.128.915	28.613.139.561
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		33.456.005.226	(37.904.337.838)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(641.562.216)	387.286.920
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		249.707.630	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.722.099.765)	(2.412.960.713)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.059.248.778)	(5.818.821.866)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.202.634.288	65.759.723
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.576.869.971)	(3.796.834.024)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		60.315.002.039	26.588.536.033
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.307.040.989)	(4.782.458.830)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		39.454.545	9.871.733.100
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(81.542.760)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		228.071.557	1.080.539.450
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.468.318.159	1.743.242.550
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(5.571.196.728)	7.831.513.510
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	587.624.733.505	1.167.878.772.255
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(620.185.735.805)	(1.190.357.740.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.880.000.000)	(17.476.072.677)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(47.441.002.300)	(39.955.040.422)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>		7.302.803.011	(5.534.990.879)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.799.769.481	28.334.760.360
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	30.102.572.492	22.799.769.481

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu

TRƯƠNG THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và các công ty con là Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư, Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Bảo Duy Trung, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC (sau đây gọi là "Công ty").

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Các Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức	Kinh doanh điện máy, điện tử gia dụng	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duyệt Trung	Đức, Tp. Hồ Chí Minh Áp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	dụng Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%
5. Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC	231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%

⁽¹⁾ Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC đã giải thể theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT và Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm kế toán Công ty có 375 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 365 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nằm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị số kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà	15 – 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong toàn Công ty.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.
- Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con).
- Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trong Công ty sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:
 - a) Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ toàn bộ đồng thời ghi nhận lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ (nếu có);
 - b) Phần bỏ lợi thế thương mại;
 - c) Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
 - d) Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong cùng Công ty được loại trừ hoàn toàn;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- e) Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty được loại trừ toàn bộ;
- f) Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nắm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản (hàng tồn kho, tài sản cố định...) được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập căn cứ vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.098.203.811	844.225.264
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.978.244.681	21.892.760.217
- Tiền đang chuyển	26.124.000	62.784.000
Cộng	<u>30.102.572.492</u>	<u>22.799.769.481</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
- Công ty CP ĐTPTCông nghiệp Thương mại Củ Chi	74.217.965	90.900.000	-	222.653.894	332.100.000	-
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	1.076.032.115	1.072.500.000	(3.532.115)	1.158.803.816	1.057.000.000	(101.803.816)
- Công ty CPVật tư xăng dầu	585.538.344	1.139.500.000	-	585.538.344	634.250.000	-
- Công ty CP Thép Pomina	5.191.965.240	1.283.400.000	(3.908.565.240)	5.191.965.240	1.562.400.000	(3.629.565.240)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	1.639.691.867	576.000.000	(1.063.691.867)	1.639.691.867	856.000.000	(783.691.867)
- Công ty CP Thép Nhà Bè	1.185.000.000	460.000.000	(725.000.000)	1.185.000.000	235.750.000	(949.250.000)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long	611.346.631	160.000.000	(451.346.631)	611.346.631	600.000.000	(11.346.631)
- Công ty CP Thép Biên Hòa	997.500.000	370.125.000	(627.375.000)	997.500.000	110.250.000	(887.250.000)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	63.677.000	70.905.200	-	82.177.000	56.413.400	-
- Ngân Hàng TMCP Phương Nam	-	-	-	1.975.220.000	547.268.000	-
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.975.220.000	572.011.500	(1.403.208.500)	-	-	-
- Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang ⁽¹⁾	4.905.000.000	4.905.000.000	-	4.905.000.000	4.905.000.000	-
- Công Ty CP Địa Ốc 9 ⁽¹⁾	3.990.000.000	3.990.000.000	-	3.990.000.000	3.990.000.000	-
- Công Ty CP Dệt Việt Thắng ⁽¹⁾	677.500.000	677.500.000	-	677.500.000	677.500.000	-
- Công Ty CP Dệt Đông Á ⁽¹⁾	897.500.000	897.500.000	-	897.500.000	897.500.000	-
- Công Ty CP XNK Vĩnh Long	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	339.000.000	-
- Công Ty CP Phong Phú ⁽¹⁾	846.000.000	846.000.000	-	846.000.000	846.000.000	-
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec	4.186.371.000	698.633.406	(3.487.737.594)	4.186.371.000	789.270.959	(3.397.110.041)
- Tổng Công Ty CP Thép Việt Nam ⁽¹⁾	2.020.000.000	2.020.000.000	-	2.020.000.000	2.148.353.602	-
- Công Ty CP Pvoai Sài Gòn ⁽¹⁾	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	34.761.560.162	23.329.975.106	(12.009.456.947)	35.011.267.792	24.084.055.961	(9.760.017.595)

⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi giảm do bán bớt 18.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 148.435.929 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau giảm do bán bớt 5.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 82.771.701 đồng.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam giảm do bán bớt 1.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 18.500.000 đồng.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam giảm do chuyển đổi sang cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tăng do chuyển đổi từ cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam sang.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.760.017.595)	(6.012.335.656)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.381.263.823)	(4.041.685.041)
Hoàn nhập dự phòng	131.814.471	294.013.102
Số cuối năm	(12.009.456.947)	(9.760.007.595)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
- Công ty TNHH Ba tháng hai	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Cộng	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là khoản phải thu thương mại về bán xăng dầu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác⁽¹⁾	8.997.615.235	12.073.970.243
- Công ty Truyền tải điện 4	579.852.670	783.888.900
- Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại Thương	569.817.630	549.522.080
- Công ty TNHH SX DV Vận tải Thái Khôn	290.985.520	398.152.418
- Các khách hàng khác	7.556.959.415	10.342.406.845
Cộng	8.997.615.235	12.073.970.243

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chủ yếu là trả trước về việc thực hiện xây dựng trạm xăng dầu số 15.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.980.677.213	6.916.958.136
- Công ty TNHH TM Quốc Thắng	2.100.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	880.677.213	6.916.958.136
Cộng	2.980.677.213	6.916.958.136

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	191.645.619	-	565.168.740	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Hàng hóa ⁽¹⁾	58.957.903.804	160.748.212	75.987.509.598	-
Cộng	59.149.549.423	160.748.212	76.552.678.338	-

⁽¹⁾ Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu và xe máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác ^(*)	63.273.065	160.589.108
Cộng	63.273.065	160.589.108

^(*) Chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng và được phân bổ dưới 12 tháng.**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	1.154.829.707	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	38.072.781	514.703.414
Cộng	1.192.902.488	514.703.414

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	78.748.192.728	17.335.368.754	9.662.858.752	600.146.794	106.346.567.028
Mua trong năm	-	983.907.636	2.061.090.909	191.400.000	3.236.398.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.648.082.386	1.790.000.182	3.657.062.546	-	11.095.145.114
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(372.000.000)	-	(372.000.000)
Số cuối năm	84.396.275.114	20.109.276.572	15.009.012.207	791.546.794	120.306.110.687
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.785.213.212	6.349.865.828	1.984.166.595	491.237.703	18.610.483.338
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.303.637.277	10.188.161.732	6.605.366.315	497.370.102	43.594.535.426
Khấu hao trong năm	4.919.227.750	2.467.599.950	1.442.065.533	64.501.935	8.893.395.168
Tăng khác	-	29.022.664	-	-	29.022.664
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.022.664)	(372.000.000)	-	(401.022.664)
Số cuối năm	31.222.865.027	12.655.761.682	7.675.431.848	561.872.037	52.115.930.594
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.444.555.451	7.147.207.022	3.057.492.437	102.776.692	62.752.031.602
Số cuối năm	53.173.410.087	7.453.514.890	7.333.580.359	229.674.757	68.190.180.093

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	16.573.125.036	69.238.100.167	346.620.000	86.157.845.203
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	16.573.125.036	69.238.100.167	346.620.000	86.157.845.203
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	121.200.000	121.200.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	8.649.187.528	176.113.332	8.825.300.860
Khấu hao trong năm	-	1.823.474.736	68.739.996	1.892.214.732
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	-	10.472.662.264	244.853.328	10.717.515.592
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	16.573.125.036	60.588.912.639	170.506.668	77.332.544.343
Số cuối năm	16.573.125.036	58.765.437.903	101.766.672	75.440.329.611

9. Bất động sản đầu tư**9a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	13.181.218.943	13.181.218.943
Mua mới	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-
Số cuối năm	13.181.218.943	13.181.218.943
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	976.409.097	976.409.097
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	3.267.665.328	3.267.665.328
Khấu hao trong năm	494.957.112	494.957.112
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	3.762.622.440	3.762.622.440
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	9.913.553.615	9.913.553.615
Số cuối năm	9.418.596.503	9.418.596.503

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	2.754.318.308	9.397.085.918
- Kho 60/6 Trường Tre	924.571.597	924.571.597	-
- Cửa hàng trưng bày Dương Văn Cam	53.405.620	31.895.035	21.510.585
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	13.181.218.943	3.762.622.440	9.418.596.503

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	2.026.100.425	2.277.272.724
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	494.957.112	494.957.112
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển gián khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	412.769.636	12.307.806.910	(5.114.606.546)	(605.970.000)	7.000.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	7.746.661.945	9.962.623.391	(8.853.899.398)	(1.197.447.855)	7.657.938.083
- Đất và công trình Bảo Duy Trung	3.545.194.600	-	-	-	3.545.194.600
- Chung cư 27 đường số 9, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức	1.624.353.483	-	-	-	1.624.353.483
- Cài tạo 746 Kha Vạn Cân	2.503.092.677	5.571.180.638	(8.074.273.315)	-	-
- CH xăng dầu 15	-	1.818.181.818	-	-	1.818.181.818
- Sửa chữa CH xăng dầu 12	-	670.208.182	-	-	670.208.182
- Các công trình khác	74.021.185	1.903.052.753	(779.626.083)	1.197.447.855	-
Cộng	8.159.431.581	22.270.430.301	(13.968.505.944)	(1.803.417.855)	14.657.938.083

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	684.301.025	721.626.545
Cộng	684.301.025	721.626.545

⁽¹⁾ Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận cố định hàng tháng với số tiền là 174.554.545 đồng (tổng lợi ích đã ghi nhận trong kỳ) là 2.103.449.997 đồng).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	42.623.326.000	39.641.364.424
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	13.983.050.000	10.553.708.424
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	28.497.140.000	28.944.520.000
- Công ty CP địa ốc 9	143.136.000	143.136.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.620.202.490	17.513.811.696
- Công ty TNHH Thép Vinakyoei	-	5.096.570.050
- Công ty Honda Việt Nam	541.621.103	714.275.194
- Công ty TNHH Điện máy Aqua Việt Nam (Haier)	1.109.338.487	927.007.701
- CN Công ty CP Công ty Điện lạnh - Điện máy Việt Úc	1.049.954.025	567.774.939
- Các nhà cung cấp khác	11.919.288.875	10.208.183.812
Cộng	57.243.528.490	57.155.176.120

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	2.690.894.373	6.019.989.271
- Công ty TNHH MTV Lục Kim Quân	316.680.000	-
- Công ty CP Công ty Mai Linh	107.705.190	-
- Các người mua trả tiền trước khác	2.266.509.183	6.019.989.271
Cộng	2.690.894.373	6.019.989.271

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.550.682	1.484.231.785	12.576.792.158	(10.345.355.828)	1.328.602.052	524.846.825
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.597.558.081	-	7.363.873.366	(8.059.248.778)	902.182.669	-
- Thuế thu nhập cá nhân	120.489.853	-	848.520.685	(836.413.618)	132.596.920	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	820.036.200	-	1.863.890.599	(2.683.926.799)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	46.500.000	(46.500.000)	-	-
Cộng	2.594.634.816	1.484.231.785	22.699.576.808	(21.971.445.023)	2.363.381.641	524.846.825

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>9.373.636.364</i>	<i>-</i>
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn ^(*)	9.373.636.364	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>5.893.966.498</i>	<i>3.804.207.779</i>
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	651.991	13.410.375
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.684.427.066	3.330.238.121
- Phải trả lợi nhuận hoạt động liên doanh	2.033.859.395	281.510.541
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	175.028.046	179.048.742
Cộng	15.267.602.862	3.804.207.779

^(*) Là khoản phải trả tiền hàng mượn về xăng dầu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.415.349.486	915.349.486
- Trả cho bên liên doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú ⁽¹⁾	2.200.000.000	700.000.000
- Trả cho bên liên doanh trạm xăng dầu Long Bình ⁽²⁾	71.349.486	71.349.486
- Nhận ký quỹ dài hạn	144.000.000	144.000.000
Cộng	2.415.349.486	915.349.486

⁽¹⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho ông Đoàn Vĩnh Nam, Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sông Tiền là 50%.

⁽²⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho bà Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	2.576.911.714	2.576.911.714	10.229.484.014	10.229.484.014
- Vay của các cá nhân trong công ty	2.576.911.714	2.576.911.714	10.229.484.014	10.229.484.014
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	24.908.430.000	24.908.430.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Sài Gòn ⁽¹⁾	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đồng Sài Gòn ⁽²⁾	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bán Việt – CN Sài Gòn	-	-	4.908.430.000	4.908.430.000
Cộng	2.576.911.714	2.576.911.714	35.137.914.014	35.137.914.014

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong kỳ		
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.908.430.000	585.052.741.370	(609.961.171.370)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.229.484.014	2.571.992.135	(10.224.564.435)	2.576.911.714
Cộng	35.137.914.014	587.624.733.505	(620.185.735.805)	2.576.911.714

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.899.736.502	10.627.272.745
- Ngân hàng TMCP Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	7.899.736.502	10.627.272.745
Cộng	<u>7.899.736.502</u>	<u>10.627.272.745</u>

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.057.300.000	50,85	63.057.300.000	50,85
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro)	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.471.100.000	34,25	42.471.100.000	34,25
Cộng	<u>124.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>124.000.000.000</u>	<u>100</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ còn phải góp</u>
	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	
Cộng	<u>124.000.000.000</u>	<u>124.000.000.000</u>	<u>-</u>

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.920.000.000	11.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

18e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

18f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

- Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 28/03/2015:
 - Chia cổ tức cho các cổ đông : 4.960.000.000
 - Trích quỹ đầu tư phát triển : 3.142.702.254
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 1.894.547.955
 - Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : 268.600.000
 - Cộng : 10.265.850.208
- Tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2015:
 - Chia cho bên liên doanh : 2.324.618.888
 - Chia cổ tức cho các cổ đông : 9.920.000.000
 - Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát : 86.610.616
 - Cộng : 12.331.229.504

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Tài sản nhận giữ hộ**

- Hàng hoá nhận giữ hộ cuối năm:

Xăng A92: 200.654 lít.

Xăng A95: 15.857 lít.

Xăng E5: 39.797 lít.

Dầu D0 0,05%: 165.465 lít.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÙ ĐỨC

Địa chỉ: 231 V8 Văn Ngăn, phường Linh Châu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	2.433.539.929.360	2.720.407.093.551
+ <i>Doanh thu bán xăng dầu</i>	2.132.456.902.042	2.406.992.833.073
+ <i>Doanh thu bán xe máy</i>	116.091.839.477	112.465.316.775
+ <i>Doanh thu bán sắt thép</i>	33.758.675.084	43.646.276.247
+ <i>Điện máy, điện gia dụng</i>	150.946.761.199	157.068.217.948
+ <i>Bán gas</i>	285.751.558	234.449.508
- Doanh thu dịch vụ	5.445.795.191	2.919.073.684
+ <i>Doanh thu dịch vụ tiệc cưới</i>	5.445.795.191	2.919.073.684
- Doanh thu cho thuê bất động sản, dịch vụ khác	6.592.625.738	5.916.238.989
Cộng	<u>2.445.578.350.289</u>	<u>2.729.242.406.224</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.301.766.184.233	2.630.361.700.463
+ <i>Giá vốn bán xăng dầu</i>	2.036.494.703.768	2.349.162.019.432
+ <i>Giá vốn bán xe máy</i>	103.418.252.877	103.297.707.253
+ <i>Giá vốn bán sắt thép</i>	31.830.567.856	41.544.242.894
+ <i>Điện máy, điện gia dụng</i>	129.740.339.793	136.138.194.523
+ <i>Gas</i>	282.319.939	219.536.361
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	819.890.000	283.142.232
+ <i>Giá vốn dịch vụ tiệc cưới</i>	819.890.000	283.142.232
- Chi phí cho thuê bất động sản, dịch vụ khác	1.451.895.909	1.294.951.158
- Hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức	273.378.784	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	160.748.212	-
Cộng	<u>2.304.472.097.138</u>	<u>2.631.939.793.853</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	463.178.998	643.725.310
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.443.048.360	1.743.245.550
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	80.568.071	237.777.632
- Doanh thu tài chính khác	2.121.194.699	2.059.448.449
Cộng	<u>4.107.990.128</u>	<u>4.684.196.941</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	1.693.218.806	2.441.841.672
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	10.915.701	345.971.499
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.381.263.823	4.041.685.041
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(131.814.471)	(294.013.102)
- Chi phí tài chính khác	87.033.319	79.940.578
Cộng	<u>4.040.617.178</u>	<u>6.615.425.688</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhượng bán bất động sản đầu tư	496.430.346	9.898.007.556
- Thu nhập khác	795.992.371	4.548.524.136
Cộng	<u>1.292.422.717</u>	<u>14.446.531.692</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	45.667.846	-
- Chi phí khác	630.219.252	30.010.121
Cộng	<u>675.887.098</u>	<u>30.010.121</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.811.709.455	22.042.246.555
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	(2.324.618.888)	(397.583.218)
- Lợi ích của cổ đông không nắm quyền kiểm soát	(86.610.616)	(77.314.976)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.440.047.995)	(1.894.547.955)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.960.431.956	19.672.800.406
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.400.000	12.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.771</u>	<u>1.587</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được trích theo số tạm tính bằng 10% x (Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp – lợi nhuận của cổ đông không nắm quyền kiểm soát – lợi nhuận chia cho bên liên doanh).

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được trích từ kết quả kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28/03/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.706.247.715	5.317.540.348
- Chi phí nhân công	63.190.683.918	45.631.754.030
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.280.567.012	9.044.508.443
- Lợi thế thương mại	221.250.948	221.250.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.936.757.736	18.770.868.956
- Chi phí khác	1.644.169.991	2.449.160.002
Cộng	<u>108.979.677.320</u>	<u>81.435.082.727</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	587.624.733.505	1.167.878.772.255
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>587.624.733.505</u>	<u>1.167.878.772.255</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	620.185.735.805	1.190.357.740.000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>620.185.735.805</u>	<u>1.190.357.740.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	3.557.533.500	1.818.495.000
Thưởng	157.892.000	34.440.000
Thù lao, khác	251.152.000	194.718.000
Cộng	<u>3.966.577.500</u>	<u>2.047.653.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**1b.1. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	Là công ty mẹ (chiếm 50,85% vốn điều lệ của Công ty)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)
- Công ty CP Địa ốc 9	Công ty góp vốn vào Công ty CP Địa ốc 9 với tỷ lệ vốn góp là 18%

1b.2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)		
<i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng</i>	1.047.302.818.181	1.292.011.181.691
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro)		
<i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng</i>	768.146.956.362	1.015.356.144.794
- Công ty CP Địa ốc 9		
<i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức nhận lãi cổ tức</i>	-	54.000.000

1b.3. Số dư với các bên liên quan khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	42.623.326.000	39.641.364.424
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	13.983.050.000	10.553.708.424
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	28.497.140.000	28.944.520.000
- Công ty CP địa ốc 9	143.136.000	143.136.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận*- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Năm nay*

Chỉ tiêu	Xăng dầu	Sắt thép	Xe gắn máy	Điện máy, điện gia dụng	Nhà hàng tiệc cưới	Cho thuê cơ sở hạ tầng, khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.132.456.902.042	33.758.675.084	116.091.839.477	150.946.761.199	5.445.795.191	6.878.377.296	2.445.578.350.289
Giá vốn hàng bán	2.036.494.703.768	31.830.567.856	103.418.252.877	129.740.339.793	819.890.000	2.168.342.844	2.304.472.097.138
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.962.198.274	1.928.107.228	12.673.586.600	21.206.421.406	4.625.905.191	4.710.034.452	141.106.253.151
Tỷ lệ lãi gộp	4,50%	5,71%	10,92%	14,05%	84,94%	68,48%	5,77%

Năm trước

Chỉ tiêu	Xăng dầu	Sắt thép	Xe gắn máy	Điện máy, điện gia dụng	Nhà hàng tiệc cưới	Cho thuê cơ sở hạ tầng, khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.406.992.833.073	43.646.276.247	112.465.316.775	157.068.217.948	2.919.073.684	6.150.688.497	2.729.242.406.224
Giá vốn hàng bán	2.349.162.019.432	41.544.242.894	103.297.707.253	136.138.194.523	283.142.232	1.514.487.519	2.631.939.793.853
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.830.813.641	2.102.033.353	9.167.609.522	20.930.023.425	2.635.931.452	4.636.200.978	97.302.612.371
Tỷ lệ lãi gộp	2,40%	4,82%	8,15%	13,33%	90,30%	75,38%	3,57%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Số liệu so sánh****3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Chứng khoán kinh doanh	121	11.481.666.342	23.529.601.450	35.011.267.792
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(6.264.324.104)	(3.495.693.491)	(9.760.017.595)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	24.341.227.995	(24.251.227.995)	90.000.000
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(3.495.693.491)	3.495.693.491	-
- Tài sản dài hạn khác	268	-	721.626.545	721.626.545
- Quỹ đầu tư phát triển	418	5.316.531.272	7.794.922.752	13.111.454.024
- Quỹ dự phòng tài chính		7.794.922.752	(7.794.922.752)	-
Kết quả kinh doanh hợp nhất				
- Giá vốn hàng bán	11	2.634.236.830.060	(2.297.036.207)	2.631.939.793.853
- Thu nhập khác	31	28.307.812.162	(13.861.280.470)	14.446.531.692
- Chi phí khác	32	11.594.254.384	(11.564.244.263)	30.010.121
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.746	(159)	1.587

4. Thông tin hoạt động liên tục

Không có các yếu tố nào dẫn đến làm mất khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của công ty.

5. Sự kiện sau niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc cố bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**IX. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHAI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	42,17	40,96
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	57,83	59,04
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	36,65	41,32
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	63,35	58,68
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,27	1,09
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,43
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,31	0,20
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	5,77	3,48
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,10	0,81
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	810,38	811,35
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	8,88	6,55
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	14,57	12,33

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu



TRƯƠNG THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	1	2	3	4	5	6
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư đầu năm trước	124.000.000.000	27.458.121.096	11.714.152.464	14.520.114.860	318.056.579	178.010.444.999
2. Tăng trong năm trước	-	-	1.397.301.560	22.042.246.555	77.314.976	23.516.863.091
- Lãi trong năm	-	-	-	22.042.246.555	77.314.976	22.119.561.531
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	1.397.301.560	-	-	1.397.301.560
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(21.240.223.301)	-	(21.240.223.301)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(1.397.301.560)	-	(1.397.301.560)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.488.471.175)	-	(1.488.471.175)
- Chia cổ tức	-	-	-	(17.360.000.000)	-	(17.360.000.000)
- Thủ lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(519.552.374)	-	(519.552.374)
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(397.583.218)	-	(397.583.218)
- Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(77.314.974)	-	(77.314.974)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	13.111.454.024	15.322.138.114	395.371.555	180.287.084.789
5. Tăng trong năm nay	-	-	3.142.702.254	26.811.709.455	86.610.616	30.041.022.325
- Lãi trong năm	-	-	-	26.811.709.455	86.610.616	-
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	3.142.702.254	-	-	3.142.702.254
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	(22.597.079.712)	-	(22.597.079.712)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(3.142.702.254)	-	(3.142.702.254)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.894.547.955)	-	(1.894.547.955)
- Chia cổ tức còn lại của 2014	-	-	-	(4.960.000.000)	-	(4.960.000.000)
- Chia cổ tức của năm 2015	-	-	-	(9.970.000.000)	-	(9.970.000.000)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

- Thu lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(268.600.000)	-	(268.600.000)
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh (*)	-	-	-	(2.324.618.887)	-	(2.324.618.887)
- Tách tài tích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(86.610.616)	-	(86.610.616)
7. Số dư cuối năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	16.254.156.278	19.536.767.857	481.982.171	187.731.027.402

(*) Là khoản chia lợi nhuận cho các bên liên doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới)

Chi tiết gồm:

- Công ty TNHH Thương mại và Đầu Tư Sông Tiền (1)	1.821.502.361
- Ông Đoàn Vĩnh Nam (1)	219.562.973
- Bà Nguyễn Thị Nghiệp (2)	283.553.554
Cộng	2.324.618.888

(1) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bảng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho ông Đoàn Vĩnh Nam, Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sông Tiền là 50%.

(2) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc Hên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bảng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho bà Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

Người lập biểu



TRƯƠNG THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



HOÀNG DINH SƠN

